TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **20**/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 21-6-2019
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Ông Trang Minh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 32/61 N, phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Tuấn A có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Chị **Lê Thị Phương E**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Phương E vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:*

Vào năm 2006 anh và chị Lê Thị Phương E cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cở sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/2007.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn, anh và chị Phương E đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có chung với nhau 02 người con tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008, hiện các con đang sống chung với chị Phương E.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tuấn A yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Lê Thị Phương E.

Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008 cho chị Phương E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2019 bị đơn chị Lê Thị Phương E trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị E trình bày là đúng nhưng chị Phương E yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị biết nhưng chị Phương E đều không có mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2019, chị Phương E có ý kiến:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008 và yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Tuấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Phương E. Chị Phương E vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Tuấn A và chị Phương E.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A là giao 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008 cho chị Phương E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Phương E, cư ngụ ấp H, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ chị Phương E đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị Phương E vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Phương E là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị Phương E kết hôn trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh Tuấn A nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, vấn đề này cũng được chị Phương E thừa nhận và chị Phương E cũng đồng ý ly hôn với anh Tuấn A. Hội đồng xét xử xét thấy anh Tuấn A và chị Phương E đều thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh chị là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Tuấn A và chị Phương E xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008, hiện các con đang sống cùng chị Phương E. Anh Tuấn A đồng ý giao 02 con chung cho chị Phương E tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này của anh Tuấn A và chị Phương E phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu K và cháu Kh, nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc chị Phương E yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng/02 con, anh Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con là sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng tối đa thì không hạn chế, cò mức tối thiểu không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản, việc anh Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Tuấn A và chị Phương E xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Tuấn A và chị Phương E cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Tuấn Anh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tuấn A.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Phương E.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A và chị Phương E là chị Phương E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 26/5/2008 phù hợp theo nguyện vọng của các con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cách thức anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Phương E có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh Tuấn A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền cấp dưỡng còn phải thi hành án.

Sau khi luy hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Phương E xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Phương E xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) nhưng anh Tuấn A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009447ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; Anh Tuấn A còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

7. Anh Tuấn Anh có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phương Em có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

N***ơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.